TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28- 9 -2022
Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Thoại**;
2. Bà **Võ Thị Trúc Mai**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Lực - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 97/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị Nh**, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố L, phường Đ L, thành phố Đ H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố L, phường Đ L, thành phố Đ H tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) ; địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H, Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị; địa chỉ: 34 Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26 tháng 5 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đoàn Thị Nh bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nh và anh Th kết hôn tự nguyện năm 2008 tại UBND Phường 3, T.P Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống từ cuối năm 2018 đến nay phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách anh Th cọc cằn, thường xuyên gây bạo lực và xúc phạm chị Nh, chị Nh cố gắng chịu đựng nhưng anh Th không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được với nhau. Do đó nguyện vọng chị Nh yêu cầu được ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Ng, sinh ngày 01/11/2008. Hiện tại con đang ở với anh Th, theo nguyện vọng con muốn được ở với bố nên chị Nh đồng ý giao con cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nh bán cà phê gần nhà anh Th, hằng ngày chị Nh đến chăm con nên chị Nh không cấp dưỡng nuôi con.

-Vê tài sản chung: Thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 161327 do UBND thành phố Đông Hà cấp ngày 28/3/2011 mang tên ông Nguyễn Văn Th và bà Đoàn Thị Nh và ngôi nhà 02 tầng, theo đơn khởi kiện thì chị Nh kê khai tổng giá trị nhà và đất là 2.000.000.000 *(hai tỷ)* đồng.

Sau khi có sơ đồ hiện trạng thửa đất thì xác định diện tích đất được cấp còn lại là 295 m^2, một phần đất bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do có sự xê dịch giữa các hộ liền kề nên chị Nh chỉ yêu cầu định giá và chia giá trị quyền sử dụng đất đối với 295m^2.

Chị Nh đồng ý với kết luận thẩm định giá bao gồm nhà hai tầng, nhà tạm, chái và quyền sử dụng thửa đất có tổng giá trị 1.756.324.000 đồng.

Chị Nhung có nguyện vọng giao cho anh Th quyền sử dụng diện tích 295m^2 và quyền sở hữu 01 ngôi nhà hai tầng, nhà tạm, chái gắn với quyền sử dụng đất nêu trên. Anh Th có trách nhiệm trả khoản nợ chung của vợ chồng cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị. Sau khi trừ nợ chung yêu cầu anh Th giao lại cho chị Nhung 50% tổng giá trị tài sản chung.

Tại văn bản ngày 02/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Thành trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Th thừa nhận quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng hay cãi vã lẫn nhau, anh Th xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên nguyện vọng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Ng, sinh ngày 01/11/2008. Anh Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ng, không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con.

- Vê tài sản chung: Thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 161327 do UBND thành phố Đông Hà cấp ngày 28/3/2011 mang tên ông Nguyễn Văn Th và bà Đoàn Thị Nh và ngôi nhà 02 tầng được xây dựng trên thửa đất có nguồn gốc là do anh Th xây dựng trước khi kết hôn, chị Nh không có đóng góp gì. Cụ thể ngày 22/3/2010, anh Th và chị Nh chuyển nhượng cho ông Trần Văn S thửa đất là tài sản riêng của anh Th với số tiền 550.000.000 đồng. Ngày 26/3/2010, anh Th, chị Nh mua của ông Nguyễn Lương Th thửa đất với giá 280.000.000 đồng, số tiền còn lại 270.000.000 đồng dùng để xây nhà vào tháng 10/2010. Năm 2011, anh Th, chị Nh chuyển nhượng một phần đất cho ông Lê Ch với giá 180.000.000 đồng, số tiền này anh Th dùng để điều trị do bị tai nạn giao thông. Năm 2021, anh Th, chị Nh vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị số tiền 300.000.000 đồng để nâng cấp, cải tạo nhà, hàng tháng anh Thành chịu trách nhiệm trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Chị Nh không có đóng góp gì. Vì vậy nguyện vọng anh Th là được sở hữu nhà và toàn quyền sử dụng thửa đất nêu trên, không đồng ý với yêu cầu chia tài sản của chị Nh.

Về khoản nợ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị anh Thành chịu trách nhiệm trả, không yêu cầu chị Nhung trả.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam trình bày: Tính đến ngày 28/9/2022, anh Th, chị Nh còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 87.768.014 đồng và tiền lãi là 268.014 đồng. Ngân hàng yêu cầu anh Th, chị Nh tất toán khoản vay để giải chấp tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng trước khi hoàn tất thủ tục ly hôn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

+ *Về hôn nhân:* Đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nh và anh Th.

+ Về con chung: Đề nghị xử giao cháu Nguyễn Đức Ng, sinh ngày 01/11/2008 cho anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng.

+ *Về tài sản chung:*

Giao cho anh Th được sở hữu một ngôi nhà gắn liền với quyền sử dụng đất diện tích 295m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 161327 do UBND thành phố Đông Hà cấp ngày 28/3/2011 mang tên ông Nguyễn Văn Th và bà Đoàn Thị Nh. Anh Th chịu trách nhiệm trả số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng.

Anh Th có trách nhiệm giao cho chị Nhung 40% tổng giá trị tài sản chung theo kết luận tại chứng thư thẩm định giá.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc anh Th chịu 60% và chị Nh chịu 40% chi phí.

Về án phí: Anh Thành và chị Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xem xét việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Nh và anh Nguyễn Văn Th đăng ký kết hôn ngày 12/5/2008 tại UNND Phường 3, thành phố Đông hà, tỉnh Quảng Trị.

Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Tại phiên tòa chị Nh và anh Th xác định không thể hàn gắn tình cảm, hai bên yêu cầu được ly hôn. Thấy rằng mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nh và anh Th.

Về con chung: Vợ chồng chị Nh, anh Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Ng, sinh ngày 01/11/2008. Nguyện vọng cháu Ng muốn được ở với bố. Tại phiên tòa anh Th có nguyện vọng được nuôi con, chị Nh đồng ý giao cháu Nguyên cho anh Th nuôi dưỡng. Vì vậy giao cháu Ng cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Thành không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thửa đất diện tích 444m^2 tại thửa số 554 (tách từ thửa 331), tờ bản đồ số 56; địa chỉ thửa đất: Khu phố Lai Phước, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 161327 do UBND thành phố Đông Hà cấp ngày 28/3/2011 mang tên ông Nguyễn Văn Th và bà Đoàn Thị Nh và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà 02 tầng, nhà tạm, chái.

Theo sơ đồ thửa đất ngày 19/8/2022 thì xác định diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại của anh Th, chị Nh là 295 m^2, một phần diện tích đất bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do có sự xê dịch giữa các hộ liền kề nên chị Nh, anh Th thống nhất xác định diện tích đất thực tế còn lại là 295m^2.

Theo kết quả thẩm định giá tại Chứng thư thẩm định giá ngày 20/8/2022:

Quyền sử dụng đất 295m^2 có giá trị là: 955.168.000 đồng.

Tài sản gắn liền với đất gồm nhà hai tầng, nhà tạm, chái có tổng trị giá: 801.156.000 đồng.

Tổng trị giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là: 1.756.324.000 đồng.

Chị Nh có nguyện vọng giao cho anh Th quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung, anh Th chịu trách nhiệm trả khoản nợ chung của vợ chồng cho Ngân hàng, anh Thành có trách nhiệm giao cho chị Nh 50% giá trị tài sản còn lại sau khi trừ nợ chung.

Anh Th cho rằng quyền sử dụng đất và ngôi nhà hai tầng là tài sản anh Th xây dựng trước khi kết hôn nên anh Th không đồng ý chia cho chị Nh. Anh Th có nguyện vọng sỡ hữu và sử dụng toàn bộ tài sản trên.

Xem xét nguồn gốc và công sức đóng góp trong việc tạo lập, xây dựng khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà hai tầng kèm nhà tạm, chái của vợ chồng anh Th, chị Nh:

Thấy rằng căn cứ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 26/3/2010 thể hiện thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 161327 do UBND thành phố Đông Hà cấp ngày 28/3/2011 mang tên ông Nguyễn Văn Th và bà Đoàn Thị Nh được ông Nguyễn Lương Th chuyển nhượng cho anh Th, chị Nh vào ngày 26/3/2010. Ngày 25/8/2010, UBND thành phố Đông Hà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 092851 mang tên ông Nguyễn Văn Th, bà Đoàn Thị Nh với diện tích 736 m^2 trong đó 50 m^2 đất ở và 686 m^2 đất trồng cây HNK. Ngày 18/02/2011, anh Th, chị Nh chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Lê Ch nên ngày 28/3/2011, anh Th, chị Nh được UBND thành phố Đông Hà cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 161327 với diện tích 444m^2, trong đó 50 m^2 đất ở và 394 m^2 đất trồng cây HNK.

Theo anh Th trước khi kết hôn anh Th có thửa đất là tài sản riêng của anh Th, ngày 22/3/2010, anh Th và chị Nh chuyển nhượng cho ông Trần Văn S với số tiền 550.000.000 đồng. Sau khi có được số tiền chuyển nhượng đất, ngày 26/3/2010, anh Th, chị Nh mua của ông Nguyễn Lương Th thửa đất với giá 280.000.000 đồng, số tiền còn lại 270.000.000 đồng dùng để xây nhà năm 2010. Năm 2021, anh Th, chị Nh vay Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng để nâng cấp, cải tạo nhà, hàng tháng anh Th chịu trách nhiệm trả gốc và lãi cho Ngân hàng.

Theo chị Nh, chị Nh thừa nhận anh Th có thửa đất là tài sản riêng của anh Th sau đó chuyển nhượng để mua lại thửa đất mang tên vợ chồng nêu trên. Tuy nhiên vợ chồng chung sống với nhau trên 10 năm, chị Nh cũng có công sức đóng góp xây dựng tài sản chung bằng việc thu nhập từ kinh doanh quán cà phê, chị Nh đưa vào chi phí cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, nuôi con còn tiền lương anh Th trả nợ cho Ngân hàng, anh Th thường làm việc xa nhà nên mọi việc trong nhà do chị Nh đảm đương nên chị Nh yêu cầu được chia 50% tổng giá trị tài sản chung.

Căn cứ kết quả thu thập chứng cứ cho thấy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 22/3/2010, bên chuyển nhượng ông Nguyễn Văn Th, bà Đoàn Thị Nh chuyển nhượng cho ông Trần Văn S thửa đất diện tích 264 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 175839 do UBND thị xã Đông Hà cấp ngày 24/12/2008 mang tên Nguyễn Văn Th.

Thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên là ngày 24/12/2008, thời điểm này sau ngày anh Th, chị Nh đăng ký kết hôn (ngày 12/5/2008), tuy nhiên thửa đất mang tên anh Th nên chị Nh thừa nhận là tài sản riêng của anh Th và anh Th đã chuyển nhượng để mua lại thửa đất hiện tại mang tên vợ

chồng.

Như vậy căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp mang tên ông Nguyễn Văn Th, bà Đoàn Thị Nh có đủ cơ sở pháp lý khẳng định thửa đất thuộc quyền sử dụng của anh Th và chị Nh. Tuy nhiên trong việc tạo lập tài sản chung anh Th có đóng góp nhiều hơn nên trong việc phân chia tài sản xem xét cho anh Th hưởng phần nhiều hơn với mức 60% giá trị tài sản và chị Nh hưởng 40% giá trị tài sản là phù hợp.

Cách phân chia cụ thể:

Giao cho anh Th được quyền sở hữu ngôi nhà (bao gồm nhà hai tầng, nhà tạm, chái) và quyền sử dụng thửa đất có tổng giá trị 1.756.324.000 đồng.

Anh Th có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Quảng Trị số tiền nợ tính đến ngày 28/9/2022 là 88.036.028 đồng, trong đó tiền gốc là 87.768.014 đồng và tiền lãi là 268.014 đồng.

Sau khi trừ nợ giá trị tài sản chung còn lại là 1.668.288.000 đồng.

Anh Th giao cho chị Nh 40% giá trị tài sản sau khi trừ nợ chung là: 667.315.000 đồng.

Anh Th hưởng 60% giá trị tài sản sau khi trừ nợ chung là: 1.000.973.000 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Tổng chi phí toàn bộ số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 15.720.000 đồng, chị Nh đã nộp. Chị Nh yêu cầu anh Th có trách nhiệm trả cho chị Nh số tiền đã chi phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ các Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc anh Thành phải chịu 60% chi phí với số tiền là 9.432.000 đồng và có trách nhiệm giao trả cho chị Nhung số tiền trên.

Về án phí:

Chị Nh chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 30.692.600 đồng án phí chia tài sản (Tổng giá trị tài sản chị Nh được hưởng 667.315.000 đồng) vì vậy án phí chia tài sản là: 20.000.000 + (267.315.000 đồng x 4%) = 30.842.600.000 đồng.

Anh Th phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 42.029.000 đồng án phí chia tài sản (Tổng giá trị tài sản Th được hưởng 1.000.973.000 đồng) vì vậy án phí chia tài sản là: 36.000.000 đồng + (200.973.000 x 3 %) = 42.179.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55; Điều 58; Điều 59; Điều 60; Điều 62; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; khoản 2, khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 3 Điều 157; khoản 1 Điều 158; khoản 2, khoản 6 Điều 165; khoản 1 Điều 166 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị Nh và anh Nguyễn Văn Th.

2. **Về con chung**:

Xử giao cháu Nguyễn Đức Ng, sinh ngày 01/11/2008 cho anh Nguyễn Văn Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Th không yêu cầu chị Nhung cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nh vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Giao cho anh Nguyễn Văn Th được sở hữu 01 ngôi 2 tầng kèm nhà tạm, chái gắn liền với quyền sử dụng thửa đất diện tích 295m^2 tại thửa số 554 (tách từ thửa 331), tờ bản đồ số 56; địa chỉ thửa đất: Khu phố Lai Phước, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 161327 do UBND thành phố Đông Hà cấp ngày 28/3/2011 mang tên ông Nguyễn Văn Th và bà Đoàn Thị Nh có tổng trị giá 1.756.324.000 đồng *(một tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn)* đồng.

Anh Th có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Quảng Trị số tiền nợ tính đến ngày 28/9/2022 là 88.036.028 đồng, trong đó tiền gốc là 87.768.014 đồng và tiền lãi là 268.014 đồng.

- Anh Th có trách nhiệm giao cho chị Nh số tiền chia tài sản chung là 667.315.000 *(sáu trăm sáu mươi bảy triệu ba trăm mười lăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Buộc anh Th hoàn trả cho chị Nh số tiền 9.432.000 *(chín triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn)* đồng.

5. Về án phí:

Chị Đoàn Thị Nh phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 30.692.600 đồng án phí chia tài sản, tổng cộng là 30.842.600 đồng *(ba mươi triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 18.300.000 (*mười tám triệu ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000237 ngày 27/4/2022 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000289 ngày 26/5/2022 của

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị Đoàn Thị Nh còn phải nộp tiếp số tiền là: 12.542.600 *(mười hai triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm)* đồng.

Anh Nguyễn Văn Th phải chịu số tiền án phí là: 42.179.000 đồng *(bốn mươi hai triệu một trăm bảy mươi chín nghìn)* đồng.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;
- UBND Phường 3, TP. Đông Hà;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Yến